

ĐÚNG SAI GIẢI THÍCH

1. Đầu tư phát triển là đầu tư tăng tài sản quốc gia và thu lợi nhuận

Sai.

Đầu tư phát triển là việc chi dùng vốn trong hiện tại để tiến hành các hoạt động nhằm tăng thêm tài sản vật chất và tài sản trí tuệ, gia tăng năng lực sản xuất, tạo thêm việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư phát triển bao gồm đầu tư tài sản lưu động và đầu tư tài sản cố định. Trong đó đầu tư tài sản cố định có thể là đầu tư nhằm khôi phục hao mòn tài sản hữu hình không nhằm thu lợi nhuận. Đầu tư phát triển là hoạt động nhằm tăng năng lực tài sản và có thể vì lợi nhuận hoặc không.

2. Đầu tư giáo dục là đầu tư phát triển

Đúng.

Đầu tư giáo dục là hoạt động đầu tư nhằm gia tăng tài sản trí tuệ của quốc gia. Đầu tư phát triển là hoạt động đầu tư để có thể tăng năng lực tài sản tăng lên về vật chất hoặc tri thức. Vì vậy có thể coi đầu tư giáo dục là đầu tư phát triển.

3. Để nâng cao hiệu quả công bằng "đọc" cần tăng thuế trực thu.

Đúng.

Công bằng dọc là sự đối xử khác nhau đối với những người có hoàn cảnh khác nhau. Thuế trực thu là loại thuế mà người nộp thuế là người chịu thuế. Đây là loại thuế đánh vào ngân sách từ thu nhập của các tổ chức và cá nhân nên đảm bảo được tính công bằng xã hội. Người có thu nhập cao thì nộp thuế nhiều, người có thu nhập thấp thì nộp thuế ít và người không có thu nhập thì không phải nộp thuế. Thuế trực thu còn cho phép tính đến những yếu tố có tính chất độc lập với thu nhập của người chịu thuế như hoàn cảnh bản thân, hoàn cảnh gia đình.

4. Cần hạn chế di dân từ nông thôn ra thành thị.

Sai.

Di dân là một hiện tượng tất yếu, mang bản chất của một quá trình phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế thị trường do đó không nên kìm hãm, làm các rào cản di cư. Việc sử dụng những biện pháp có tính chất hành chính, cưỡng chế như hình thành các "rào cản di dân" là những biện pháp bất đắc dĩ, không phù hợp với cơ chế thị trường và những quy luật vận động chung của nền kinh tế.

5. "Giá cánh kéo" giữa sản phẩm CN và sản phẩm NN là căn cứ để áp dụng chính sách trợ giá nông sản đầu ra cho người tiêu dùng hoặc người sản xuất

Đúng.

Giá cánh kéo là sự chênh lệch giữa giá của nông sản so với hàng hóa khác. Giá của hàng hóa nông sản luôn thấp hơn so với các hàng hóa khác điều này dẫn đến sự bất lợi cho người sản xuất nông nghiệp. Người nông dân sẽ phải mua các sản phẩm hàng hóa công nghiệp với

mức giá cao trong khi đó sản phẩm nông nghiệp của mình lại bị bán với mức giá rẻ. Để giải quyết vấn đề này chính phủ có thể thực hiện 2 biện pháp: trợ giá nông sản cho người nông dân hoặc có thể trợ giá các sản phẩm công nghiệp để ndan có thể mua sp công nghiệp với giá thấp hơn. Giá sản phẩm nông nghiệp cung ứng của nông dân rẻ hơn so với giá cả thị trường cung ứng ở thành thị do chi phí vận chuyển nông sản từ trang trại đến thị trường bán lẻ. Để có thể hỗ trợ người nông dân tăng mức giá nông sản, chính phủ áp dụng chính sách trợ giá cho hoạt động marketing giúp người nông dân có thể bán nông sản với giá cao hơn.

6. Công cụ "lãi suất chiết khấu" dùng để điều chỉnh lượng cung tiền và đo mức độ "khỏe mạnh" của các NHTM.

Đúng.

Lãi suất chiết khấu là lãi suất NHNN tính với các ngân hàng thương mại, khi các NHTM đến vay để đảm bảo khả năng thanh toán. Khi NHNN tăng lãi suất chiết khấu thì cơ hội vay của các NHTM sẽ bị hạn chế từ đó giảm khối lượng tiền cung ứng trong nền kinh tế. Bên cạnh đó lãi suất chiết khấu có thể đo được mức độ khỏe mạnh của các NHTM. Vì với mức lãi suất chiết khấu cao mà các NHTM vẫn có đủ khả năng vay và thanh toán thì chứng tỏ hoạt động của các NHTM đó đang rất tốt. Ngược lại nếu không đủ khả năng chi trả với mức lãi suất cao chứng tỏ việc hoạt động của NHTM đó đang có vấn đề.

7. Bản chất của chính sách xã hội hóa y tế là mở rộng phạm vi tham gia của các cá nhân, tổ chức trong việc phát triển y tế

Đúng.

“Xã hội hóa y tế” là quá trình huy động sự tham gia dưới các hình thức khác nhau của các chủ thể và cộng đồng xã hội, đồng thời tăng cường vai trò của Nhà nước đối với y tế nhằm nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ và mở rộng đối tượng thực hiện, bảo đảm công bằng xã hội trong đóng góp và thụ hưởng các dịch vụ y tế.

8. Trong quá trình CNH, học theo Hàn Quốc thì Việt Nam nên đi theo mô hình "hướng ngoại"

Sai

Thị trường nội địa Vn rất rộng, đồng thời các luật quốc tế chặt chẽ và ràng buộc hơn nên k thể học theo HQ mà nên sử dụng mô hình tổng hợp hướng đến hướng ngoại tổng hợp tức là hướng cả về thị trường nội địa và thị trường quốc tế. Sử dụng mô hình CNH theo kiểu hướng ngoại, kết hợp giữa hướng về xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu được thực hiện bằng chiến lược hướng ra thị trường quốc tế, vừa sản xuất sản phẩm xuất khẩu dựa vào lợi thế so sánh của đất nước trong từng thời kỳ, vừa kết hợp chính sách bảo hộ đối với những sản phẩm cần thiết. Bên cạnh đó, kết hợp nội lực và ngoại lực (FDI) - cần chỉnh trang lại dòng vốn FDI theo hướng nâng cao chất lượng dòng vốn, thân thiện môi trường.

9. Trong mô hình CNH hỗn hợp của Nhật, ngay từ đầu khu vực tư nhân đã được khuyến khích đầu tư phát triển các ngành công nghiệp thế hệ thứ 3

Sai.

Ngành công nghiệp thế hệ thứ 3 là các ngành công nghiệp nặng, tạo ra nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp: công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, luyện kim.

Mô hình CNH hỗn hợp là mô hình CNH tư bản chủ nghĩa, theo cơ chế thị trường tự do có sự can thiệp tích cực của chính phủ. Các công ty tư nhân vẫn chịu sự điều tiết của thị trường phát triển từ công nghiệp dẹt đến các cn nhẹ sau đó mới là cn nặng. Đầu tư của chính phủ ngay từ đầu trong mô hình này ưu tiên cho công nghiệp nặng: như năng lượng, sản xuất thép, cơ khí, hóa chất nhằm xây dựng một nền công nghiệp vững mạnh cho nền kinh tế.

10. trợ giá nông sản cho ng sx và ng tdung ảnh hưởng đến cả cung và cầu nông sản

Sai. (trang 653 - đề thị 13.4)

Ảnh hưởng cung hoặc cầu

Nếu người nông dân nhận phần trợ giá cho hoạt động marketing thì lúc này mức giá người nông dân nhận được sẽ là P_1 và sản lượng nông nghiệp tăng từ q_1 lên q_2

Vẽ đồ thị và chứng minh tiếp.

11. Các nước đpt không nên xuất khẩu sp thô vì sẽ mắc căn bệnh Hà Lan

Sai.

Do Căn bệnh Hà Lan chỉ là 1 trong những hạn chế của chiến lược xk sp thô. CL xksp thô còn có những lợi ích nhất định. Như câu 14. ở giai đoạn đầu phát triển các nước cần tận dụng lợi thế so sánh của mình bằng việc xuất khẩu sản phẩm thô.

12. Y tế không tiếp cận đc vùng sâu vùng xa vì mạng lưới ko đến nơi

Sai.

Y tế không tiếp cận đc vùng sâu vùng xa vì mạng lưới ko đến nơi và còn do giá y tế còn cao bên cạnh đó là ý thức người dân về việc bảo vệ sức khỏe của bản thân còn kém.

Y tế ở các huyện vùng sâu, vùng xa là tình trạng thiếu thốn nghiêm trọng về nguồn nhân lực và trang thiết bị y tế. Mạng lưới y tế tại vùng sâu vùng xa đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhiều nơi chưa có cơ sở hoặc phải đóng trụ sở tại nhà tạm. Người dân ở vùng sâu vùng xa có nhiều rào cản làm giảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế như: do mạng lưới giao thông chưa phát triển, khoảng cách đến các cơ sở y tế còn quá xa, trình độ dân trí hạn chế, nhiều phong tục, tập quán lạc hậu, việc tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ y tế vẫn chưa thỏa đáng...

13. Theo todaro để giảm "thu nhập kì vọng" cần chú trọng chính sách cho phụ nữ.

Sai.

Theo Torado thì quyết định di dân chịu tác động bởi thu nhập kì vọng. Thu nhập kì vọng chính là thu nhập thực tế đã được điều chỉnh sau khi đã tính đến khả năng có việc làm. Nghĩa

là người dân sẽ đưa ra quyết định di dời dựa trên việc phân tích các cơ hội việc làm sẵn có trên hai thị trường lao động tương ứng, quyết định xem sẽ tham gia thị trường nào dựa trên cơ sở tối đa hóa thu nhập kì vọng được xác định giữa thu nhập thực tế bình quân việc làm giữa thành thị và nông thôn cũng như khả năng kiếm được việc làm trên hai thị trường này. Vì vậy theo Torando để giảm thu nhập kì vọng cần chú ý đến đầu tư mở rộng phát triển đa dạng hóa ngành nghề: phát triển khu công nghiệp ở nông thôn, phát triển nông nghiệp theo mô hình chuỗi sản phẩm nông nghiệp mang giá trị cao, công nghiệp hóa nông thôn. Bên cạnh đó cần đô thị hóa nông thôn bằng cách phát triển kết cấu hạ tầng kết nối giữa nông thôn và thành thị.

14. Các nước ĐPT luôn gặp bất lợi về XK sp thô

Sai.

Chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô là chiến lược thực hiện trong giai đoạn đầu của phát triển nền kinh tế. Khi đó quốc gia tận dụng lợi thế so sánh về các nguồn tài nguyên, khoáng sản, lương thực và nguyên liệu thô.

Chiến lược này đem đến cho các nước đang phát triển những lợi ích sau:

- tăng cường sử dụng các nhân tố sản xuất: tăng cường như XK SP THÔ sẽ thúc đẩy nền kinh tế sử dụng nhiều yếu tố sản xuất sẵn có hơn, đồng thời sử dụng những yếu tố đó một cách hiệu quả hơn.
- tăng cường khả năng gầy dựng nhân tố sản xuất: mở rộng xuất khẩu sản phẩm thô có thể dẫn tới tích lũy các nhân tố sản xuất đặc biệt là vốn và lao động có tay nghề cao. Khi cơ hội sinh lời rõ ràng thì sẽ xuất hiện nguồn đầu tư từ nước ngoài vào trong nước. Vốn đầu tư nước ngoài sẽ mang theo tay nghề sản xuất cao hơn cũng như các công nghệ sản xuất hiện đại vào trong nước. Phát huy các mối liên kết trong nền kinh tế: xuất khẩu sản phẩm thô giúp đẩy mạnh các mối liên kết kinh tế cải thiện CSHT và tăng doanh thu cho NSNN.

15. Khi NH thông báo cho vay với lãi suất âm nhưng họ vẫn trong tình trạng "đóng băng" (k ai vay)

Giải thích.

Khi ngân hàng thông báo cho vay với lãi suất âm nhưng họ vẫn trong tình trạng đóng băng. Do mức lạm phát quá thấp làm hiệu quả đầu tư biên nhỏ hơn chi phí biên dẫn đến đầu tư không có hiệu quả, khoản lợi nhuận biên thu được không đủ trả nợ nên hoạt động kinh doanh thua lỗ nên dù NH cho vay lãi suất âm nhưng không có ai vay dẫn đến tình trạng "đóng băng".

VD: NH cho vay với lãi suất -10%. giả sử MEI = 6%

- Dự báo lạm phát kỳ vọng = -7% => $I_r = -10\% + 7\% = -3\% < MEI =>$ nên vay.

- Dự báo lạm phát kỳ vọng = -18% => $I_r = -10\% + 18\% = 8\% > MEI =>$ KD thua lỗ =>

k vay

16. Nguyên nhân giáo dục ở vùng sâu vùng xa kém phát triển là do họ không có nhu cầu và k có đủ khả năng chi trả cho giá giáo dục.

Sai.

Giáo dục ở vùng sâu vùng xa kém phát triển do nhiều nguyên nhân. Một lý do khiến trẻ em không đến trường là các vùng sâu, vùng xa không có trường học ở vị trí thuận tiện dù một số trẻ em vẫn cố gắng vượt đường xa để đến trường. Song nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng nguyên nhân chủ yếu của việc trẻ không đi học là từ phía cầu của gia đình chứ không phải phía cung của nhà trường. Về phía cầu, các gđ nghèo không cho con cái đi học, kể cả tiểu học, bởi vì họ không thể trả chi phí để con đến trường. Đó có thể là mức học phí, có thể là chi phí mua sách giáo khoa hay đồng phục bắt buộc, đó cũng có thể là khoản thu nhập mà gia đình đó bị mất đi do con em đi học (nếu không đi học, các em có thể đi làm và tạo ra thu nhập cho gđ) Còn có nguyên nhân do cơ sở hạ tầng vc chưa đáp ứng đủ cho giáo dục ở các vùng sâu vùng xa.

17. Việc cần phải sử dụng chính sách "khuyến nông" là do sự thất bại của việc "ngoại lai".

Đúng

Trong nông nghiệp, thất bại của thị trường ở việc ngoại lai đó là: các giống mới, kỹ thuật cao. do thị trường nghiên cứu nhưng người nông dân k đc tiếp cận. Do đó chính phủ phải đứng ra thực hiện chính sách khuyến nông để lan tỏa hiệu ứng đến với toàn bộ nông dân thông qua các chương trình đào tạo tay nghề, kiến thức kỹ thuật, quản lý...

BÀI TẬP ĐỒ THỊ 2đ

1. FDI năm 2016 tăng 13,4% so với 2015

Vẽ đồ thị thể hiện sự tác động đến thị trường vốn và ảnh hưởng đến nền Kinh tế.

FDI là một thành phần trong tiết kiệm nước ngoài. Và tiết kiệm là phần cấu thành nên đầu tư nước ngoài. FDI năm 2016 tăng 13,4% so với năm 2015 sẽ làm cho tiết kiệm nước ngoài tăng từ đó làm tăng đầu tư nước ngoài.

Ta có đầu tư quốc gia bằng tổng của đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

$$I(2016) = I_f(2016) + I_d$$

Đầu tư nước ngoài tăng dẫn đến đầu tư của quốc gia sẽ tăng (các yếu tố khác không đổi)

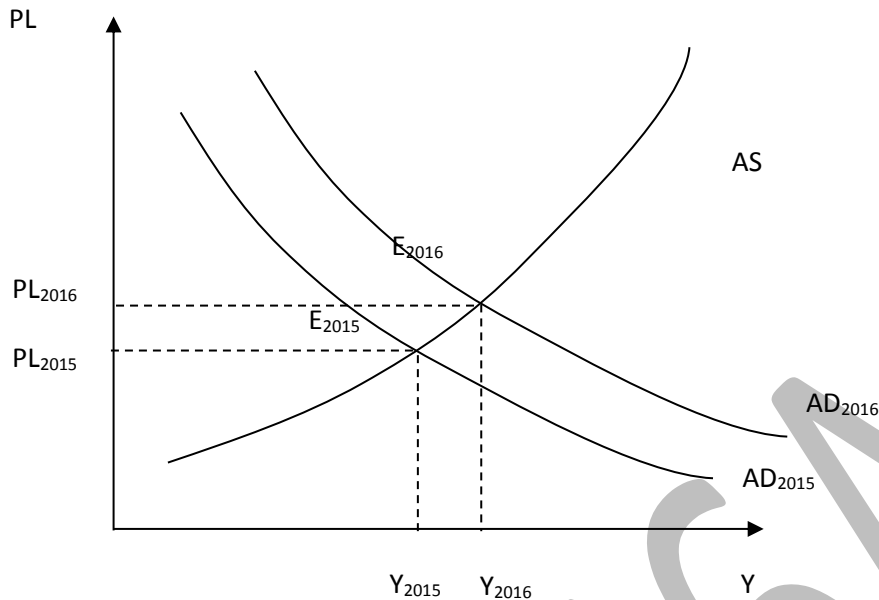
Mặt khác đầu tư quốc gia là 1 thành tố trong tổng cầu $AD = C + I + G + NX$. Vì vậy khi đầu tư quốc gia tăng sẽ làm tổng cầu tăng theo. Khi đó đường tổng cầu sẽ dịch chuyển sang bên phải từ AD_{2015} sang AD_{2016} .

Lúc đầu nền kinh tế cân bằng tại điểm E_{2015} với Y_{2015} và PL_{2015} .

Sau khi AD dịch chuyển sang bên phải thì nền kinh tế chuyển đến điểm cân bằng mới E_{2016} với Y_{2016} và PL_{2016} .

Ta có $Y_{2016} > Y_{2015}$; $PL_{2016} > PL_{2015}$

Lúc này, nền kinh tế sẽ có sự tăng trưởng GDP dương và mức giá cả chung sẽ tăng.



2. Sản lượng xuất khẩu gạo của VN giảm 700 nghìn tấn quý I/2016

a. ảnh hưởng đến thị trường gạo thế giới ntn

b. tác động đến tăng trưởng kinh tế quý I/2016 ntn?

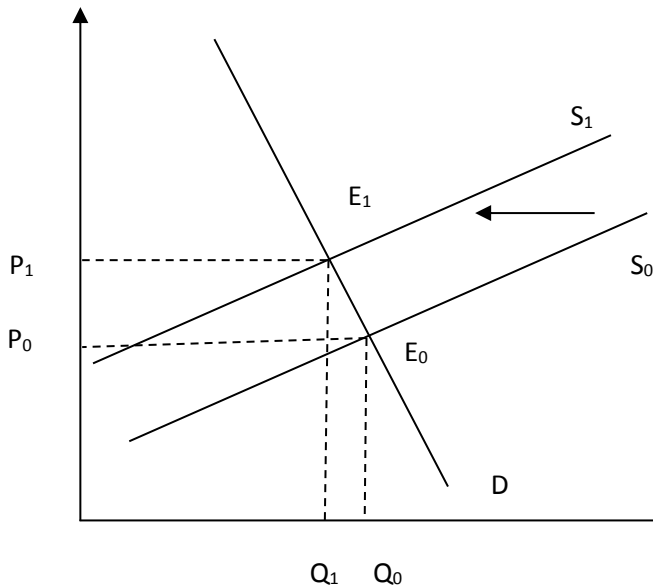
Do gạo là sản phẩm thiết yếu. Theo quy luật tiêu dùng sản phẩm Engel, cầu đối các loại lương thực thiết yếu tăng chậm hơn so với thu nhập. Nên cầu về gạo trên thế giới có độ co giãn theo giá cao. Cầu về gạo trên thị trường thế giới có đường cầu dốc. Trong đó các cung gạo của Việt Nam có độ co giãn cầu theo giá lớn cao. Cung về gạo xuất khẩu của Việt Nam có đường cung thoải.

Khi sản lượng xuất khẩu giảm làm đường cung dịch chuyển sang bên phải từ S0 sang S1. Trong khi đó đường cầu về gạo trên thế giới không đổi. Lúc đầu nền kinh tế cân bằng tại điểm E0 với sản lượng Q0 và mức giá P0 sau đó khi đường cung dịch chuyển điểm cân bằng của nền kinh tế sẽ dịch chuyển từ E0 đến E1 với sản lượng Q1 và mức giá P1. $Q1 < Q0$ và $P1 > P0$. Vậy khi sản lượng xuất khẩu gạo của VN giảm thì trên thị trường gạo thế giới mức sản lượng sẽ giảm nhưng mức giá sẽ tăng.

Nhưng do đường cầu là đường dốc và đường cung là đường thoải nên mức giá sẽ tăng nhiều hơn mức sản lượng giảm nên doanh thu từ xuất khẩu gạo sẽ tăng nhưng tăng không mạnh. khi đó kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng (X tăng).

$$GDP = C + I + G + X - M$$

X tăng dẫn đến GDP tăng. Nền kinh tế sẽ có sự tăng trưởng trong quý I năm 2016.

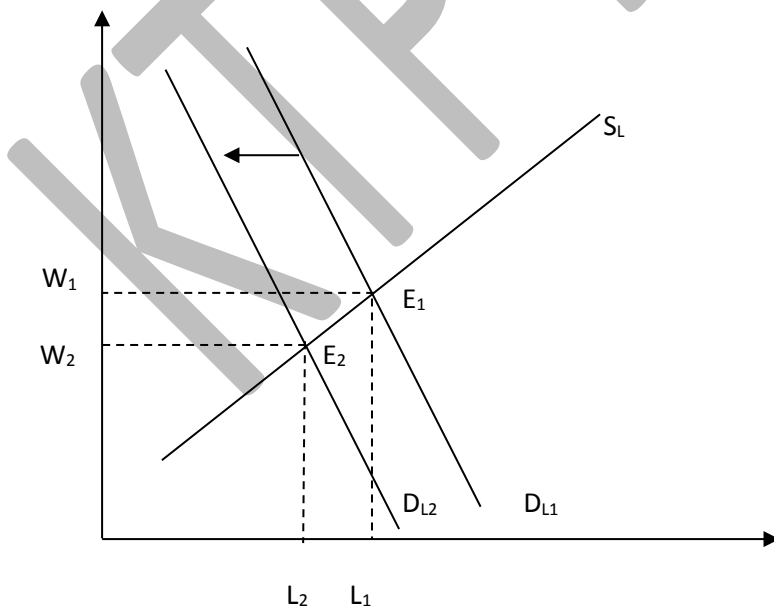


3. Quý I năm 2016, DN VN bị ngừng hoạt động tăng lên 23,06% so với cùng kì năm ngoái.

+Việc này ảnh hưởng ntn đến TTLĐ

+ Ảnh hưởng ntn đến tăng trưởng KT (các yếu tố # không thay đổi)

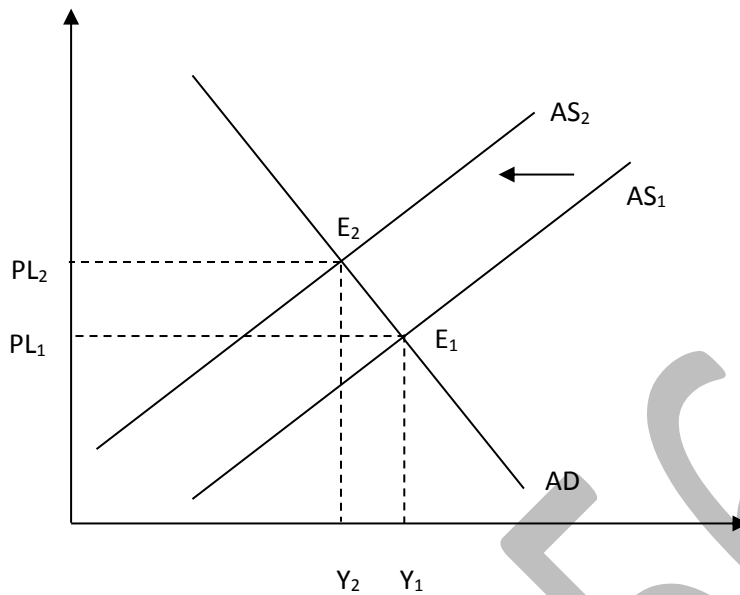
Khi doanh nghiệp VN ngừng hoạt động thì cầu về lao động trên thị trường sẽ giảm. Đường cầu lao động giảm từ từ D_{L1} đến D_{L2} . Trong khi đường cung lao động giữ nguyên. Điểm cân bằng trên thị trường lao động sẽ di chuyển từ E_1 sang E_2 . Trên thị trường lao động lúc này, số lao động làm việc trong nền kinh tế sẽ giảm từ L_1 xuống L_2 và mức tiền lương cũng giảm từ W_1 xuống W_2 .



Xét lao động là một yếu tố đầu vào sản xuất. Ta có phương trình đường cung: $AD = f(K, L, TPF)$. Số lao động làm việc trong nền kinh tế giảm làm tổng cung giảm (các yếu tố khác không đổi). Tổng cung lúc này sẽ dịch sang trái. Nền kinh tế sẽ có điểm cân bằng dịch

chuyển từ E_1 sang E_2 . Sản lượng Y của nền kinh tế giảm từ Y_1 xuống Y_2 nhưng mức giá cả chung của nền kinh tế PL lại tăng từ PL_1 lên PL_2 .

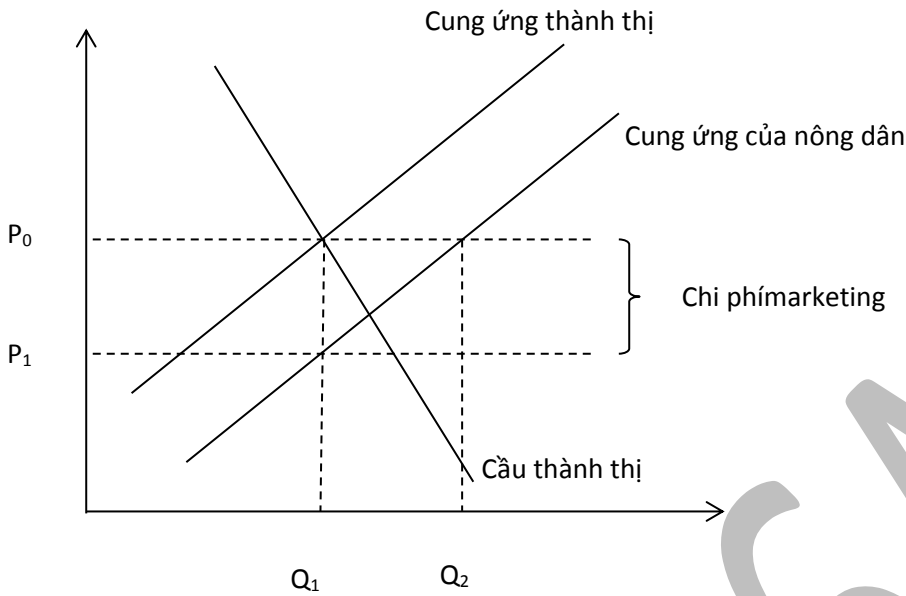
Lúc này, nền kinh tế sẽ có sự tăng trưởng GDP âm và mức giá cả chung sẽ tăng.



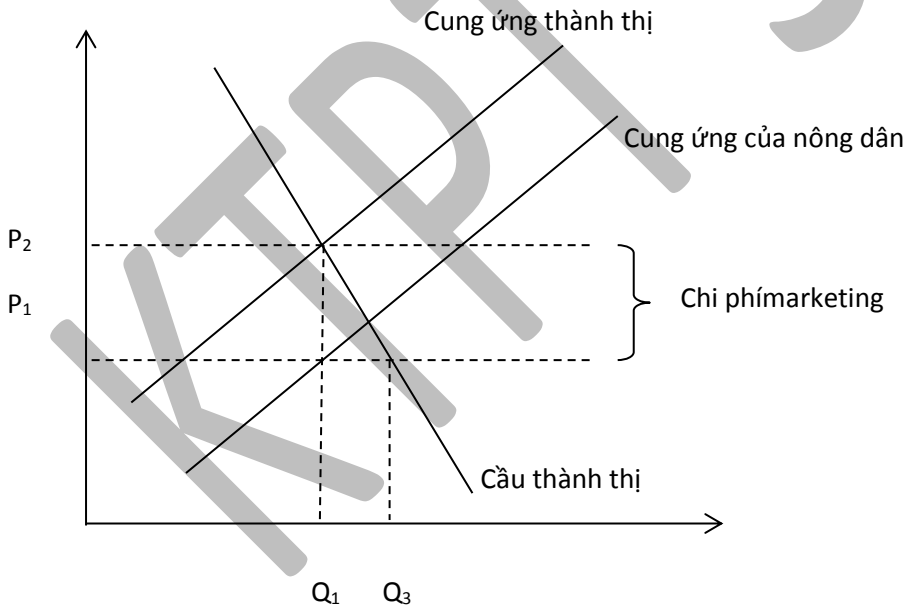
4. Trợ giá nông sản.

Lúc đầu, giá bán người nông dân nhận được sẽ thấp hơn so với giá nông sản được bán trên thị trường thành thị. Sự chênh lệch giá này là khoản chi phí marketing, khoản chi phí để vận chuyển nông sản từ trang trại đến thị trường bán lẻ thành thị. Giá bán nông sản người nông dân nhận được sẽ P_1 và mức sản lượng cung ứng là Q_1 đây là giao điểm giữa cung của người nông dân và cầu thành thị. Giá bán trên thị trường thành thị là P_2 với mức sản lượng Q_2 (giao điểm giữa cung trên thị trường thành thị và cầu thành thị).

Khi chính phủ quyết định **trợ giá bán nông sản cho người nông dân** nghĩa là người nông dân nhận được trợ cấp cho hoạt động marketing thì lúc đó giá người nông dân nhận được sẽ là P_2 và sản lượng nông nghiệp tăng từ q_1 lên q_2 . Bởi vì giá tăng nên cung về nông sản sẽ tăng từ q_1 lên q_2 mà lượng cầu chỉ là q_1 nên trên thị trường sẽ dư thừa một lượng nông sản q_1q_2 . Lượng nông sản dư thừa này chính phủ sẽ để dự trữ hoặc xuất khẩu.



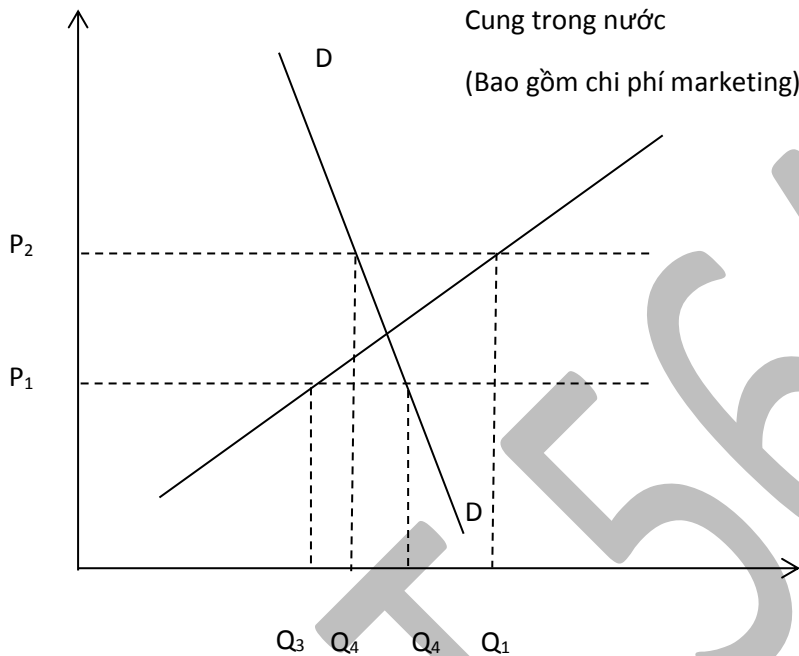
Khi **người tiêu dùng được trợ cấp** chi phí marketing P_1P_2 thì giá người tiêu dùng phải trả để mua nông sản giảm xuống P_1 . Do mức giá phải trả giảm xuống nên cầu về hàng hóa nông sản tăng từ q_1 lên q_3 . Lúc này trên thị trường mức sản phẩm cung ứng là q_1 nhưng lượng cầu về sản phẩm là q_3 . Nhu cầu vượt quá cung, chính phủ sẽ phải giải quyết bằng cách nhập khẩu hoặc hạn chế phân bổ ngũ cốc cho người tiêu dùng thành thị.



Trợ giá bằng cách điều chỉnh tỷ giá hối đoái.

Đối với tỷ giá cân bằng, giá nông sản trên thế giới là p_2 thì cầu trong nước thể hiện bằng đường DD là $0q_4$. Khi đó cầu trong nước sẽ nhỏ hơn cung 1 lượng là q_4q_2 . Chính phủ giải quyết tình trạng này bằng cách tăng lượng dự trữ hoặc xuất khẩu lượng nông sản dư thừa.

Đề trợ giá cho người tiêu dùng, chính phủ định tỷ giá của đồng nội tệ cao lên, giá nông sản trên thế giới khi đó sẽ giảm từ P_2 xuống P_1 . Do giá giảm nên lượng tiêu dùng sẽ tăng từ q_4 lên q_1 và lượng cung ứng sẽ giảm từ q_2 xuống q_3 . Lúc này lượng cầu về nông sản sẽ nhiều hơn lượng cung 1 lượng q_3q_2 . Chính phủ giải quyết tình trạng này bằng cách nhập khẩu hoặc hạn chế phân bổ ngũ cốc cho người tiêu dùng thành thị.



5. Thuế, hạn ngạch nhập khẩu.

Trong trường hợp không có thương mại quốc tế (nền kinh tế đóng), nền kinh tế cân bằng tại E_1 với giá và sản lượng P_1 và Q_1 . Sau đó khi nền kinh tế mở cửa, mức giá trên thế giới thấp hơn với mức giá trong nước P_2 . Với mức giá P_2 thì cầu trong nước sẽ tăng Q_3 nhưng lượng cung lại giảm xuống Q_2 . Do đó trong nước sẽ không cung ứng đủ sản lượng cho thị trường trong nước. Lúc này để giải quyết tình trạng thiếu hụt thì chính phủ sẽ phải nhập khẩu 1 lượng sản phẩm Q_2Q_3 .

Chính phủ muốn điều chỉnh giảm lượng hàng hóa nhập khẩu bằng cách sử dụng thuế nhập khẩu $t=t_0=\%P_w$. Với người tiêu dùng trong nước mức giá hàng hóa thế giới lúc này sẽ tăng lên $P_d = P_w \cdot (1+t_0)$. Lúc này trong nước, cầu sẽ giảm xuống Q_5 và cung sẽ tăng lên Q_4 . Mức sản lượng nhập khẩu là Q_4Q_5 .

Kết luận: Tác động của thuế nhập khẩu

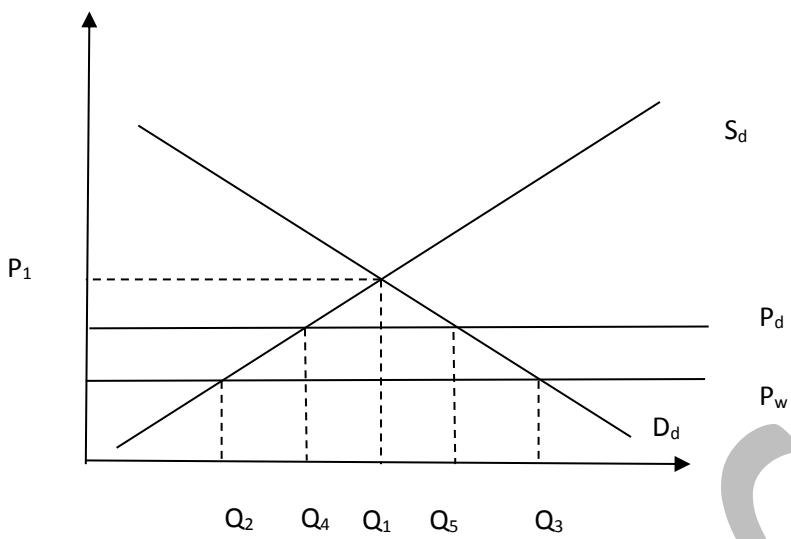
Tích cực

- Sản lượng nhập khẩu giảm
- Tăng thu cho NSNN.
- Khuyến khích trong nước sản xuất

Tiêu cực

- Giảm lượng cầu trong nước

- Người tiêu dùng phải trả giá cao hơn



KTPT 56A

BÀI LUẬN 3đ**1. Theo em, Điểm hạn chế nhất trong lực lượng lao động VN là gì? tại sao? Nêu các biểu hiện (số liệu cụ thể), nguyên nhân? giải pháp?**

Theo em, Điểm hạn chế nhất trong lực lượng lao động Việt Nam là chất lượng lao động không cao.

Tại vì, lao động có vai trò là một động lực quan trọng trong tăng trưởng và phát triển kinh tế. Chất lượng lao động ở nước ta còn thấp sẽ làm mất sức cạnh tranh trên thị trường lao động, yếu kém của nguồn nhân lực là một trong những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Từ đó dẫn đến ảnh hưởng tới tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.

Chất lượng lao động thấp (nếu lấy thang điểm 10 thì Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia xếp hạng của WB. Trong khi đó, Thái Lan, Malaysia lần lượt là 4,94 và 5,59), chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế biểu hiện ở những điểm sau:

- Tỷ lệ LLLĐ qua đào tạo và chất lượng đào tạo thấp:

Lao động Việt Nam chủ yếu là chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp nên trình độ, kỹ năng và tay nghề thấp. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, Dân số Việt Nam từ 15 tuổi trở lên chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật trong giai đoạn 2011-2015 có xu hướng giảm từ 84,5% xuống 80,1% nhưng giảm rất ít và chậm. Còn đã qua đào tạo trong giai đoạn 2011-2015 có xu hướng tăng từ 15,4% lên 19,9% nhưng tăng rất ít và chậm.

Nguyên nhân cơ bản là do: hệ thống giáo dục còn bất cập: chương trình, kiến thức, phương pháp cùng sự kiểm tra, đánh giá, sàng lọc chất lượng chưa hợp lý, đào tạo chưa đi đôi với thực hành, nặng về lý thuyết mà không có thực tế. Cho nên một nghịch lý tồn tại “Lực lượng lao động qua đào tạo của Việt Nam thiếu những người đáp ứng được yêu cầu công việc nhưng lại thừa những người không làm được việc.”

Giải pháp: Đẩy mạnh cải cách giáo dục và phổ cập giáo dục. Cơ cấu lại hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Đào tạo đội ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc gia. Kết hợp đào tạo lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Cơ cấu lao động qua đào tạo bất hợp lí:

Các nước phát triển: 1 ĐH, CĐ - 5 THCN - 10 CNKT

Việt Nam: 1 - 0,98 - 3,6

=> “thừa thầy thiếu thợ”

Nguyên nhân: đào tạo tràn lan và do cả có yếu tố tâm lý xã hội thích làm “thầy” hơn làm “thợ”, các phụ huynh luôn muốn con em mình đỗ đạt thành tài. Dẫn đến số sinh viên tốt nghiệp bằng ĐH, cử nhân ngày càng tăng nhanh mà không đi kèm chất lượng và số lượng không xin được việc làm đúng ngành học rất lớn.

Giải pháp: định hướng nghề nghiệp tương lai phù hợp. Thay đổi quan niệm khoa cử, đối xử công bằng cả thầy và thợ.

- Tình trạng thể lực của lao động thấp kém:

Tình trạng thể lực của lao động Việt Nam ở mức trung bình kém, cả về chiều cao, cân nặng cũng như sức bền, sự dẻo dai. Đến nay, nam thanh niên Việt Nam cao khoảng 163,7cm, nữ cao 153,4cm nhưng so với chuẩn quốc tế, chiều cao trung bình của thanh niên nam 18 tuổi vẫn kém 13,1cm và nữ kém 10,7cm. Có 42,27% dân số thuộc dạng gầy gò so với tiêu chuẩn, 28% người lớn suy dinh dưỡng.

Nguyên nhân: một phần do di truyền nhưng phần lớn là do việc lười thể dục thể thao, chế độ ăn uống dinh dưỡng chưa hợp lý và không có môi trường phát triển bản thân. Do vậy thể lực của lao động VN chưa đáp ứng được cường độ làm việc và những yêu cầu trong sử dụng máy móc thiết bị theo tiêu chuẩn quốc tế nên năng suất lao động không cao, kết quả lao động thu được thấp.

Giải pháp: tăng cường thúc đẩy phát triển về thể lực, có chế độ dinh dưỡng tiêu chuẩn. Ăn uống ngủ nghỉ, rèn luyện thể dục thể thao hợp lý.

- Ý thức kỷ luật lao động chưa cao:

Biểu hiện ở chấp hành giờ giấc làm việc chưa chặt chẽ, chưa có tác phong công nghiệp, khả năng tự phát huy sáng kiến, tự nâng cao trình độ, tính hiệp tác và phối hợp làm việc tập thể còn yếu,...

Nguyên nhân: Do thiếu thái độ nghiêm túc trong công việc, không tôn trọng kỷ luật (quen với tự do, tự ý), không chịu học hỏi, hợp tác làm việc nhóm, không có trách nhiệm với công việc mà chỉ làm vì lợi ích cá nhân... Từ những điều đó sẽ làm hiệu quả làm việc thấp, giải quyết công việc chậm dẫn đến kết quả công việc thu được không cao.

Giải pháp: Tăng cường kỷ luật cao, có hình thức thưởng phạt rõ ràng, tuyên dương và phê bình để người lao động nâng cao ý thức. Bên cạnh đó cần có những tuyên truyền đào tạo về ý thức kỷ luật trong làm việc.

2. Theo quan điểm của e thì đâu là hạn chế bất cập nhất của công nghiệp VN: tại sao? biểu hiện? Nguyên nhân? Hậu quả? đề xuất giải pháp

- Hạn chế lớn nhất của công nghiệp Việt Nam là tốc độ tăng trưởng công nghiệp có xu hướng giảm đặc biệt trong năm 2016.

Vì tăng trưởng công nghiệp có vai trò to lớn trong làm gia tăng nhanh thu nhập quốc gia. Bên cạnh đó sự tăng trưởng của công nghiệp còn góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển vì công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp những yếu tố đầu vào quan trọng. Ngoài ra, công nghiệp tăng trưởng tốt sẽ cung cấp tư liệu sản xuất và trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế. Có thể nói tăng trưởng công nghiệp là một vấn đề quan trọng nhất là trong bối cảnh CNH-HĐH hiện nay.

Trong cơ cấu GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2016, tỷ trọng ngành công nghiệp tăng không đáng kể. Trong suốt 6 năm con số này chỉ tăng 0.48% (từ 32.24% vào năm 2011 lên 32.72% vào năm 2016). Lần đầu tiên sau 6 năm từ năm 2011 tăng trưởng công nghiệp của Việt Nam đạt thấp kỷ lục trong quý 1. Năm 2017, ngành công nghiệp chỉ tăng 3,85% so với cùng kỳ năm năm 2016. Tính chung quý 1/2017, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng

4,1% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều mức tăng của cùng kỳ các năm từ 2012 đến 2016.

Tình trạng tăng trưởng công nghiệp thấp có thể được **lý giải** do các ngành khai khoáng, chế biến thực phẩm, sản xuất điện tử sụt giảm tăng trưởng. Ngành khai khoáng sụt giảm mạnh, bằng 90% cùng kỳ năm trước. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mức tăng trưởng 8,3%, giảm đáng kể so với mức 9,7% của cùng kỳ năm 2015 và 8,94% của cùng kỳ năm 2016. Ngành xây dựng tăng trưởng 6,1%, tăng trưởng thấp hơn tốc độ tăng 8,6% của cùng kỳ năm trước.

- Ngành công nghiệp chế biến thực phẩm sụt giảm. Tăng trưởng ngành này trong quý 1 năm 2017 đạt 4,4% trong khi cùng kỳ năm trước đạt 8,6%. Ngành này chịu tác động nhiều bởi yếu tố mùa vụ, trong đó sản xuất đường giảm 6,5%. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo quý 1 năm nay tăng trưởng 8,3% trong khi năm trước đạt 8,6%. Các sản phẩm của ngành chế biến chế tạo còn có giá trị gia tăng thấp mang nặng tính chất gia công. Các ngành còn phải nhập nguyên vật liệu, phụ tùng linh kiện từ bên ngoài điều này làm giá cả đầu vào và năng lực cạnh tranh yếu, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do đó, năm 2017 khi Samsung giảm tỷ lệ đầu tư vào Việt Nam khiến sản xuất sản phẩm điện tử giảm.

- Ngành khai khoáng, dầu thô, khí than đều tăng trưởng âm so với quý 1 năm 2016. Khai thác than giảm 5,5%, khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 13,6%. Chúng ta chủ yếu dựa vào lợi thế so sánh xuất khẩu sản phẩm thô trong nước. Và khi tốc độ khai thác ngày càng nhiều thì các tài nguyên trong nước cạn kiệt dần khiến sản lượng khai thác được giảm.

Để **giải quyết** được tình trạng tốc độ tăng trưởng công nghiệp có xu hướng giảm dần, nhà nước cần phải có những chính sách cụ thể như:

- Tăng cường phát triển công nghiệp hỗ trợ, đẩy mạnh nội địa hoá các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về phụ tùng, thiết bị tại chỗ cho doanh nghiệp. Cần xem xét giải quyết những khó khăn vướng mắc trong xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ ở nước ta hiện nay. Đồng thời, xây dựng ngay một số cơ sở đầu mối đóng vai trò trung tâm tổ chức nhập khẩu và cung ứng nguyên, phụ liệu trong một số lĩnh vực.

- Chuyển xu hướng gia tăng mạnh xuất khẩu sản phẩm “thô” trong thời gian qua sang xu hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp chế biến trong kim ngạch xuất khẩu, phục vụ xuất khẩu trên cơ sở định hướng công nghiệp kỹ thuật cao.

- Hạn chế và tiến tới chấm dứt xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên và các mặt hàng chưa qua chế biến, thông qua việc thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng tăng giá trị hàng hóa

3. **Hạn chế lớn nhất của nông nghiệp Việt Nam là gì? Vì sao?**

Biểu hiện - số liệu cụ thể? Nguyên nhân? Hậu quả? Đề xuất giải pháp

Theo quan điểm của em thì hạn chế bất cập nhất của nông nghiệp Việt Nam hiện nay là vấn đề đất đai nhỏ lẻ, không tập trung.

Vì Đối với nông nghiệp thì yếu tố đất đai có vị trí quan trọng nhất, nó là đối tượng của nông nghiệp. Đất đai là điều kiện không thể thiếu được để sản xuất, là tư liệu sản xuất cơ bản

trong nông nghiệp. Nông nghiệp lại là ngành giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế. Mà ở hầu hết các nước đang phát triển sẽ không có sự phát triển quốc gia nếu không có sự phát triển nông nghiệp nông thôn. Khi sử dụng đất nhỏ, lẻ, manh mún khó phù hợp với điều kiện phát triển nền nông nghiệp quy mô lớn, chất lượng hàng hóa, có năng suất, hiệu quả, bảo đảm đủ sức cạnh tranh nội địa và thế giới. Do đó tạo lực cản lớn đối với sự nghiệp phát triển nền nông nghiệp hàng hóa lớn của nước ta.

Đất đai manh mún đang là yếu tố cản trở người dân và doanh nghiệp đầu tư dài hạn vào nông nghiệp. Hiện cả nước có khoảng 14,5 triệu nông hộ mà có tới 78 triệu mảnh ruộng nhỏ lẻ, manh mún. Nền tảng sản xuất như vậy thì nông nghiệp không thể nào phát triển hiệu quả được. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, diện tích đất bình quân hộ nông nghiệp chỉ vào khoảng 0,46 ha và trung bình được chia thành 2,83 mảnh. Quy mô diện tích đất của hộ nông dân Việt Nam thấp hơn Trung Quốc và thấp hơn rất nhiều so với các nước khác ở châu Á. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2015 cả nước có hơn 27,2 triệu ha đất nông nghiệp, chiếm 82,36% tổng diện tích đất tự nhiên cả nước và chiếm 88,1% tổng diện tích đất đang sử dụng vào các mục đích. Trong đó, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng hơn 15 triệu ha đất nông nghiệp (55,05% đất nông nghiệp cả nước); tổ chức kinh tế đang sử dụng hơn 2,7 triệu ha đất nông nghiệp (10,09% đất nông nghiệp cả nước); các cá nhân, tổ chức nước ngoài đang sử dụng khoảng trên 45.000 ha đất nông nghiệp (0,14% đất nông nghiệp cả nước). Bên cạnh đó Luật Đất đai 2013 đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách. Ví dụ như quy định hạn mức giao đất (không quá 3ha đất trồng cây hàng năm ở Đông Nam bộ, ĐBSCL, không quá 2ha ở các tỉnh còn lại)... chưa khuyến khích được tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Việc chuyển nhượng sử dụng đất nông nghiệp còn bị hạn chế. Việc tiếp cận đất nông nghiệp của các doanh nghiệp gặp khó khăn.

Hậu quả: Phân tán đất đai cản trở hiện đại hóa nông nghiệp, giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực do không tận dụng được tính kinh tế theo quy mô, tăng chi phí sản xuất và tiếp thị, gây khó khăn cho nông dân trong việc điều phối sản xuất với các mảnh ruộng nằm phân tán, tăng chi phí xã hội trong việc thúc đẩy tập trung ruộng đất. Phân tán đất đai còn gây lãng phí đất cho việc làm bờ thửa, đường đi, lãng phí thời gian khi di chuyển giữa các mảnh ruộng, và khó khăn khi vận chuyển sản phẩm. Khả năng tích tụ và tập trung ruộng đất của nông dân thấp dẫn đến mức lợi nhuận thu được từ những mảnh ruộng nhỏ không đủ để bảo đảm chi tiêu trong cuộc sống của người nông dân. Luật đất đai cản trở quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp theo hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

Do đó, cần những **giải pháp** để giải quyết hạn chế đất đai nhỏ lẻ, manh mún giúp nông nghiệp phát triển tốt hơn.

- Yêu cầu tập trung, tích tụ ruộng đất để đầu tư, áp dụng khoa học công nghệ, chuyên canh, hiện đại hóa, công nghiệp hóa khu vực nông nghiệp là yêu cầu cấp bách.
- Dồn điền, đổi thửa hợp lý để giúp người dân phát triển ngành nghề nông nghiệp và đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận đất đai của người dân.
- Cải cách ruộng đất và điều chỉnh đất đai. (xác định mức hạn điền cho người dân: bao nhiêu ha đất trên 1 người nông dân)

- Sửa đổi bổ sung Luật Đất đai, xem xét nới lỏng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp, bổ sung thêm loại đất phục vụ mục đích hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trong phân loại đất nông nghiệp. Bổ quy định giới hạn việc chỉ được phép chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp trong cùng phường, xã, thị trấn.

4. **Hạn chế của vốn đầu tư ở Việt Nam? Nguyên nhân, hậu quả, giải pháp**

- Hạn chế lớn nhất của vốn đầu tư ở Việt Nam là hiệu quả sử dụng vốn đầu tư còn thấp.

Vì Đầu tư là một thành tố góp phần vào tăng trưởng GDP. Khi đầu tư tăng sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhưng ở Việt Nam có tình trạng lượng vốn đầu tư vào nền kinh tế nhiều nhưng không đem lại kết quả tăng trưởng GDP. Thực trạng này có thể lý giải do nguyên nhân sử dụng vốn không hiệu quả. Vì vậy, sử dụng vốn hiệu quả là một trong những yếu tố đóng góp vào sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư còn thấp **thể hiện** ở việc hệ số ICOR còn cao và chỉ số suất đầu tư có xu hướng tăng từ năm 2012:

- Theo Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2011 - 2015, ICOR cũng có xu hướng giảm nhưng còn cao, riêng 2015 khoảng 6,88. chỉ số ICOR của Việt Nam còn cao, hiệu quả đầu tư còn thấp so với nhiều nền kinh tế trong khu vực. So sánh với các nước trong khu vực, ICOR của Việt Nam đang tương đương với Malaysia, chỉ cao hơn Myanmar, Campuchia hay Philippines. Tính trung bình trong giai đoạn 2011-2015, Việt Nam cần đầu tư thêm 6,91 đồng để thu về thêm 1 đồng sản lượng thì Campuchia chỉ cần đầu tư 3,21 đồng, thấp hơn gần 30%.

- Suất đầu tư tăng trưởng giảm dần từ năm 2012 (5,92) đến năm 2015 (4,88) và bắt đầu tăng trở lại vào năm 2016 (5,31). Sự tăng lên của suất đầu tư tăng trưởng trong năm 2016 do tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế bị chững lại, trong khi tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội trong GDP lại có xu hướng tăng lên, chiếm 33%. Nếu so sánh với số liệu của các nước trong thời kỳ tăng trưởng nhanh và trình độ công nghệ thấp, thì con số này cao gấp 1,5-2 lần (Nhật Bản: 3,2; Hàn Quốc: 3,2; Đài Loan: 2,7)

Nguyên nhân của việc hiệu quả sử dụng vốn đầu tư còn thấp được giải thích bởi:

- Đầu tư công vẫn chiếm tỷ trọng cao: vốn đầu tư Nhà nước tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư xã hội (đạt 37,6% năm 2016) và chưa có xu hướng giảm. Vốn ngân sách trong tổng đầu tư công vẫn cao. Năm 2015, vốn ngân sách nhà nước chiếm 42,4% tổng đầu tư công.

- Đầu tư vẫn mang tính dàn trải, chưa có quan điểm và chính sách đúng đối với các vùng động lực tăng trưởng

- Chưa có định hướng cụ thể đối với các chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp
- Chưa có chính sách phát huy các lợi thế cạnh tranh theo ngành
- Chưa có chính sách thích hợp đối với khu vực tư nhân
- Chính sách thu hút FDI chưa hướng tới việc chuyển giao công nghệ để thực hiện mô hình tăng trưởng theo chiều sâu

Tác động: Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp khiến lãng phí các nguồn đầu tư cả trong và ngoài nước. Từ đó làm giảm sự hấp dẫn của môi trường đầu tư trong nước dẫn đến lượng vốn FDI vào Việt Nam giảm sút. Điều này sẽ ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế trong nước.

Giải pháp:

- Thay đổi cơ cấu đầu tư: cần định hướng thu hút vốn đầu tư theo tỷ lệ: 1/3 – 1/3 – 1/3. Tức là 1/3 (khoảng 33-35%) GDP để dành cho đầu tư xã hội; trong tổng đầu tư xã hội thì 1/3 là đầu tư công và cuối cùng là trong tổng đầu tư công thì 1/3 là đầu tư từ ngân sách nhà nước. Với công thức này, chúng ta sẽ có đủ lượng vốn thực hiện mục tiêu tăng trưởng, đồng thời không lãng phí và dàn trải trong đầu tư.

- Các chính sách chuyển giao công nghệ từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và đầu tư phát triển công nghệ trong nước: Chính sách tái cơ cấu thu hút FDI nhằm mục tiêu nâng cao trình độ công nghệ, năng lực cạnh tranh công nghệ và chuyển giao công nghệ; Thực hiện liên kết doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước; Chủ động thực hiện chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI; tăng cường đầu tư cho các khu công nghệ cao

- Đẩy mạnh đầu tư cho nông nghiệp theo chiều sâu
- Chính sách để tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân được phát triển, còn kinh tế Nhà nước chỉ tập trung vào một số lĩnh vực hạn chế mà kinh tế tư nhân chưa làm hoặc khó làm. Sau đó thì Nhà nước sẽ thoái vốn để chuyển dần cho tư nhân sở hữu.

5. Theo em, Điểm tốt nhất trong lực lượng lao động Việt Nam là gì? tại sao? Nêu các biểu hiện (số liệu cụ thể), nguyên nhân? giải pháp?

Theo em, Điểm tốt nhất trong lực lượng lao động Việt Nam là lượng lao động dồi dào.

Vì Lao động là một nguồn lực sản xuất và không thể thiếu trong các hoạt động kinh tế. Nó có vai trò là một động lực quan trọng trong tăng trưởng và phát triển kinh tế. Lực lượng lao động dồi dào sẽ làm nguồn lực sản xuất cho các ngành hoạt động và phát triển từ đó sẽ tăng trưởng kinh tế.

Nếu xét lao động là 1 yếu tố nguồn lực thì lượng lao động dồi dào ở các nước đang phát triển là một lợi thế, tạo ra thị trường tiêu thụ rộng lớn. Giúp thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào quốc gia mình. Một quốc gia có số lượng lao động dồi dào sẽ mang trên mình những cơ hội lớn để phát triển kinh tế. Không những thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài mà ngay cả trong nước nguồn lao động đó sẽ đáp ứng công việc linh hoạt và phong phú hơn. Lực lượng lao động trung bình cả nước năm 2015 là 53,984 triệu người, tăng so với năm trước 236 nghìn người (0,4%). Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số lớn, tại thời điểm quý II.2015 tính chung cả nước tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số từ đủ 15 tuổi trở lên là 76.2%. Ở khu vực thành thị là 69.1% , khu vực nông thôn là 79.8% . Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước đến thời điểm 01/7/2016 ước tính là 54,4 triệu người, tăng 654,3 nghìn người so với cùng thời điểm năm 2015. Từ vấn đề nêu trên ta có các giải pháp, chính sách cần thiết để thúc đẩy tăng cầu lao động tại các nước đang phát triển, mở rộng quy mô nền kinh tế. Mục tiêu này có thể được thực hiện thông qua một số chính sách như: đa dạng hóa ngành nghề, thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài theo hình thức liên doanh và

góp vốn, chính sách phát triển các khu công nghiệp, các loại hình công nghiệp, phát triển nuôi dưỡng tạo môi trường khu vực kinh tế tư nhân.

Khi lực lượng lao động dồi dào thì giá lao động rẻ. Có thể thấy giá lao động PLĐ là yếu tố cấu thành lên giá sản phẩm trong nước Pd. Khi PLĐ rẻ đặt biệt là với các sản phẩm sử dụng nhiều lao động trong quá trình sản xuất sẽ khiến giá sản phẩm trong nước Pd rẻ một các tương đối so với giá sản phẩm quốc tế ($Pd < Pqt$). Điều này sẽ giúp doanh nghiệp trong nước tăng khả năng cạnh tranh với các sản phẩm nước ngoài, khiến xuất khẩu rủng rỉnh. Do vậy, PLĐ rẻ có tác động tích cực đến tăng trưởng. Như đối với ngành dệt may, kim ngạch xuất khẩu tại Việt Nam lên đến 27 tỷ USD trong năm 2015. Việt Nam vẫn đang được nhiều “ông lớn” trong ngành thời trang chọn lựa để gia công sản phẩm với, các quốc gia khác trong khu vực cũng đang chú trọng hơn trong việc đầu tư thu hút các doanh nghiệp hàng đầu. Mức lương ngành dệt may hiện tại từ 402 – 604 USD, tương đương từ 8,4 – 12 triệu đồng mỗi tháng – tăng 12% so với năm 2015. Con số này chỉ bằng gần một nửa so với Malaysia (725 – 1.019 USD/tháng) và bằng một phần tư so với mức lương trung bình ngành dệt may tại Singapore. Nhà nước nên có các chính sách về tăng cường sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng sử dụng nhiều lao động. Vì các mặt hàng này có lợi thế về chi phí sản xuất giúp giá thành thấp và có lợi thế cạnh tranh hơn. Khi tăng xuất khẩu X sẽ giúp tăng xuất khẩu ròng NX ($NX = X - IM$) mà tổng cầu $AD = C + I + G + NX$ nên sẽ khiến tổng cầu AD tăng và khiến GDP tăng. Tuy nhiên chính sách này có xu hướng giảm dần khi giá cả lao động đắt dần lên.

6. Theo em, điểm tốt nhất trong nông nghiệp Việt Nam là gì? tại sao? Nêu các biểu hiện (số liệu cụ thể), nguyên nhân? giải pháp?

Theo em điểm tốt nhất trong nông nghiệp Việt Nam đó là là đóng góp của xuất khẩu các mặt hàng, sản phẩm của NN vào phát triển KT-XH.

Nông nghiệp là ngành duy nhất có xuất siêu, xuất khẩu các sản phẩm có thể mang thương hiệu cho nông sản của Việt Nam. Và giúp Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới về nhiều loại nông sản đa dạng như: gạo, cà phê, hạt tiêu, cao su, các mặt hàng gỗ và thủy sản,... mang về nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước. Xuất khẩu nông sản không những giúp cân bằng cán cân thương mại quốc gia mà còn tăng cường uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Năm 2013 Việt Nam đứng thứ nhất về xuất khẩu hồ tiêu (chiếm 14,3% thị phần thế giới), thứ nhất về cà phê (chiếm 40% thị phần thế giới), thứ hai về lúa gạo (chiếm 12% thị phần), thứ ba về hạt điều (chiếm 9,5% thị phần)

Riêng năm 2014, tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 30,86 tỷ USD tăng 11,2% so với năm 2013. Đã có 10 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD (gạo, cà phê, cao su, điều, tiêu, sắn, rau quả, tôm, cá tra, lâm sản).

Thông tin mới nhất được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa ra. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu ngành nông lâm thủy sản của tháng 3/2017 ước đạt 2,9 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu trong ba tháng đầu năm đạt 7,6 tỷ USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2016.

Riêng mặt hàng nông sản đem về 4,2 tỷ USD trong quý 1, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2016. Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 1,5 tỷ USD tăng 3,6%. Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 1,8 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2016. Đáng chú ý, mặt hàng xuất khẩu tăng mạnh nhất là cao su. Trong tháng 3, xuất khẩu cao su đạt 65 nghìn tấn, trị giá 138 triệu USD. Đưa khối lượng xuất khẩu cao su cả quý 1 lên 249 nghìn tấn và đạt trị giá 510 triệu USD, tăng 1,9% về khối lượng và tăng 90,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016.

Các mặt hàng xuất khẩu khác cũng ghi nhận tăng so với cùng kỳ năm trước như cà phê ước đạt 449 nghìn tấn và 1 tỷ USD, giảm 5,4% về khối lượng nhưng tăng 25,6% về giá trị. Gỗ và các sản phẩm gỗ ước đạt 1,7 tỷ USD, tăng 13%; thủy sản ước đạt 1,5 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2016.

Xuất khẩu gạo tiếp tục giảm về cả lượng và giá trị. Theo đó, xuất khẩu gạo ba tháng đạt 1,28 triệu tấn, tương đương 566 triệu USD, giảm 18,1% về khối lượng và giảm 17,3% về giá trị. Giá gạo xuất khẩu bình quân tháng 2/2017 đạt 426 USD/tấn, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2016.

Đóng góp của xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp có tác động mạnh đến phát triển KT-XH rất lớn. Nguồn ngoại tệ mang về cho đất nước góp phần không nhỏ vào phát triển và tăng trưởng. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển đi lên theo hướng CNH-HĐH. Cần có những giải pháp thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp để mang lại kết quả cao.

Sử dụng các hỗ trợ tài chính cho xuất khẩu, chính sách tài khóa áp dụng thuế suất 0% đối với các hàng hóa nông sản. Dỡ bỏ hạn ngạch, thuế quan và các hình thức bảo hộ.

Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin thị trường để hướng sản xuất phù hợp mang lại sản lượng cao để phục vụ xuất khẩu.

Mở rộng và phát triển thị trường quốc tế, giúp sản phẩm nông nghiệp nước ta tiếp cận được với thị trường rộng rãi hơn. Bên cạnh đó, phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, sử dụng KH-CN chất lượng cao vào sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản và đảm bảo yêu cầu khắt khe trên thị trường quốc tế, trở thành lựa chọn an toàn và lý tưởng cho quốc tế khi lựa chọn sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam.

7. Theo em, điểm tốt nhất trong công nghiệp Việt Nam là gì? tại sao? Nêu các biểu hiện (số liệu cụ thể), nguyên nhân? giải pháp?

Theo em, điểm tốt nhất trong công nghiệp VN hiện nay là nền công nghiệp phát triển trong thời gian qua đã góp phần tích cực trong giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của nhân dân.

Vì Việt Nam hiện nay là một nước có lực lượng lao động dồi dào trong khi cầu về lao động còn hạn chế. Nên thất nghiệp cả hữu hình và trá hình đều lớn. Điều này đặt gánh nặng lên vai xã hội trong vấn đề giải quyết việc làm. Và công nghiệp đã có những đóng góp to lớn trong việc giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động.

Biểu hiện: Số lượng doanh nghiệp công nghiệp không ngừng tăng lên trong giai đoạn 2010-2012, là môi trường tạo việc làm phong phú và đa dạng cho người lao động. Số lao động làm việc trong khu vực công nghiệp ngày một tăng cao. Chiếm tỉ trọng nhiều nhất trong

các ngành nêu trong bảng là công nghiệp chế biến, chế tạo với hơn 8000 nghìn người năm 2015 sau đó là xây dựng gần 3500 nghìn người năm 2015. Tính đến 2016, tổng số nhân lực trong ngành Công nghiệp CNTT trên 600.000 người, trong đó số lao động đang làm việc trong các ngành công nghiệp phần cứng - điện tử khoảng trên 300.000 người, còn lại thuộc về lĩnh vực công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số.

Nguyên nhân: Giải quyết được hàng nghìn việc làm cho xã hội là do đóng góp của sự phát triển các khu công nghiệp và việc thực hiện hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm ngành công nghiệp, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ

Tác động: Nền công nghiệp phát triển đóng vai trò lớn trong tạo việc làm cho hàng trăm ngàn lao động, tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ, góp phần giảm bớt áp lực về lao động ra các thành phố làm việc. Bên cạnh đó còn tận dụng tối đa nguồn nhân lực cho phát triển đất nước, từng bước nâng cao và cải thiện đời sống của nhân dân.

Chính sách:

- Tạo điều kiện phát triển các khu công nghiệp ở nông thôn. Bên cạnh đó cũng cần đầu tư hạ tầng giao thông kết nối giữa nông thôn và thành thị. Qua đó giải quyết tình trạng lao động mùa vụ, thất nghiệp vô hình.

- Có các chính sách về tín dụng ưu đãi để các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất.

8. Theo em, điểm tốt nhất trong vốn đầu tư ở Việt Nam là gì? tại sao? Nêu các biểu hiện (số liệu cụ thể), nguyên nhân? giải pháp?

Theo em điểm tốt nhất trong vốn đầu tư ở Việt Nam là quy mô tăng trưởng của vốn đầu tư tăng theo từng năm.

Vì quy mô vốn phản ánh lượng vốn đầu tư của nền kinh tế. Quy mô vốn là điều kiện cần để có thể tăng lượng đầu tư của nền kinh tế. Khi quy mô vốn đầu tư lớn thì lượng vốn có thể thực hiện chuyển thành đầu tư sẽ tăng qua đó sẽ làm tăng tổng cầu tăng. Qua đó sẽ kích thích nền kinh tế tăng trưởng.

Biểu hiện: Trong giai đoạn 2011 – 2016, quy mô vốn đầu tư phát triển có xu hướng tăng đều qua các năm. Cụ thể, năm 2011, vốn đầu tư phát triển chỉ là 924,495 nghìn tỷ đồng, sang đến năm 2013, con số này đã tăng lên 1094,542 nghìn tỷ đồng (tức là tăng hơn 170 nghìn tỷ đồng so với năm 2011) và đến năm 2016 con số này đã đạt mức cao nhất trong những năm gần đây, đạt 1485,1 nghìn tỷ đồng, gấp 1,6 lần so với quy mô vốn năm 2011. Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP giai đoạn 2011 – 2015 có xu hướng giảm, cụ thể giảm từ mức 33,3% (năm 2011) xuống còn 30% (năm 2015). Tuy nhiên, con số này lại tăng lên 33% ở năm 2016.

Nguyên nhân:

Quy mô vốn giai đoạn 2011-2015 có xu hướng tăng nguyên nhân chủ yếu do việc tái cơ cấu đầu tư, đặc biệt là Luật Đầu tư công đã được thông qua. Bên cạnh đó, nhiều thể chế quan trọng khác được ban hành liên quan tới việc định hướng đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, chuẩn bị đầu tư, phê duyệt đầu tư và thực hiện, giám sát đầu tư.

Tác động: Quy mô vốn đầu tư tăng là điều kiện để kích thích tổng cầu từ đó tăng trưởng kinh tế.

KTPT 56A

1. KINH TẾ PHÁT TRIỂN 2 – CHUYÊN NGÀNH.

Đề thi có 3 câu: Được sử dụng tài liệu

Câu 1: 10 câu Đúng/Sai giải thích(0.5đ/câu): Trãi dài ở cả 11 chương => dài + khó.

1. Thực hiện trợ giá cho người tiêu dùng hoặc người sản xuất sẽ ảnh hưởng đến cung và cầu sản phẩm?
2. Căn bệnh Hà Lan => các nước không nên thực hiện xuất khẩu sản phẩm thô?
3. Y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng không phát triển ở vùng sâu vùng xa
4. Tín dụng nông thôn
- 5.

Câu 2: Bài tập phân tích tình huống (2đ): Phân tích tác động của 1 sự kiện xảy ra ảnh hưởng như thế nào? minh họa bằng đồ thị? => ngắn, dễ

Thị trường vốn đầu tư/xuất-nhập khẩu...

Đề 4:10/5/2016

Tổng cục thống kê báo cáo FDI của I/2016 tăng so với I/2015

- a) Ảnh hưởng như thế nào đến thị trường vốn I/2016?
- b) Tác động như thế nào đến tăng trưởng GDP I/2016 so với I/2015

Minh họa bằng đồ thị kết quả?

Câu 3: Trình bày 1 mục nhỏ trong thực trạng hiện nay, từ đó nêu đánh giá, nguyên nhân, hậu quả hiện nay? Của một trong 5 vấn đề đã được cho chuẩn bị tài liệu trước vốn đầu tư/lao động/ngoại thương/công nghiệp/nông nghiệp hiện nay?.

Đề 4: 10/5/2016

Nêu 1 điểm **hạn chế** trong thực trạng vốn hiện nay? Nguyên nhân, hậu quả, giải pháp? (dẫn chứng số liệu minh họa).